TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-ST
Ngày 26 – 02 – 2020
V/v tranh chấp hụi và vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 473/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hụi và vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2020/QĐST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Mạch Kim T, sinh năm 1947; nơi cư trú: Ấp T2, xã T3, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp T2, xã T3, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Trương Thị T1, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp T2, xã T3, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của bà Mạch Kim T thể hiện:*

Bà T có tham gia hụi của ông Nguyễn Văn V và bà Trương Thị T1, cụ thể như sau:

- Dây hụi mở ngày 10/8/2013 âm lịch, gồm 52 phần, loại hụi 500.000 đồng/tháng, bà T tham gia 01 phần, đóng được 52 kỳ là 26.000.000 đồng. Sau khi trừ tiền hoa hồng 250.000 đồng thì ông V, bà T1 thiếu lại 25.750.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 15/01/2017 âm lịch, gồm 31 phần, loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, bà T tham gia 01 phần, đóng được 22 kỳ thì ông V, bà T1 đình hụi. Sau khi trừ tiền hoa hồng 500.000 đồng thì ông V, bà T1 thiếu lại 21.500.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 30/3/2017 âm lịch, gồm 41 phần, loại hụi 500.000 đồng/tháng, bà T tham gia 02 phần, đóng được 19 kỳ thì ông V, bà T1 đình hụi. Sau khi trừ tiền hoa hồng 500.000 đồng thì ông V, bà T1 thiếu lại 18.500.000 đồng.

Ngoài ra ông V, bà T1 còn vay của bà T số tiền 10.000.000 đồng, sau đó đã trả được 3.000.000 đồng và còn thiếu lại 7.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền hụi và tiền vay ông V, bà T1 còn thiếu là 72.750.000 đồng.

Sau đó, ông V, bà T1 đã đối chiếu các dây hụi thể hiện: Dây hụi 52 phần đối trừ tiền hụi còn thiếu 4 lần x 500.000 đồng = 2.000.000 đồng, dây hụi 31 phần trả được 04 lần x 500.000 đồng = 2.000.000 đồng, dây hụi 41 phần trả được 04 lần x 300.000 đồng = 1.200.000 đồng và đến ngày 29/10/2019 âm lịch thì ông V, bà T1 trả thêm được 2.100.000 đồng. Tổng số tiền đã trả và tiền hụi chết là 7.300.000 đồng.

Đối trừ các khoản thì ông V, bà T1 còn thiếu số tiền 65.450.000 đồng (trong đó tiền hụi là 58.450.000 đồng và tiền vay là 7.000.000 đồng). Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà T yêu cầu ông V, bà T1 trả số tiền hụi là 50.000.000 đồng và tiền vay là 7.000.000 đồng; tổng cộng là 57.000.000 đồng.

* *Đối với Nguyễn Văn V và bà Trương Thị T1:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng ông V, bà T1 không có ý kiến gì và không tham gia, hòa giải xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn V và bà Trương Thị T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là đúng quy định pháp luật.

[2] Khi nộp đơn khởi kiện, bà T chưa đối trừ các khoản tiền ông V, bà T1 đã đối chiếu và đã trả nên tại phiên tòa, bà T đối trừ và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện; bà T yêu cầu ông V, bà T1 trả số tiền hụi là 50.000.000 đồng và số tiền vay là 7.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà T là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của bà T thấy rằng:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của bà T phù hợp với giấy tính tiền vay, tiền hụi mà bà T đã cung cấp khi khởi kiện. Ngoài ra bà T cũng xác định ông V, bà T1 trả thêm số tiền 2.100.000 đồng vào ngày 29/10/2019 âm lịch.

Đối với ông V, bà T1 đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý gì đối với yêu cầu của bà T và không có ý kiến phản đối gì đối với giấy tính tiền hụi, tiền vay nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu trả số tiền ít hơn số tiền ông V, bà T1 còn thiếu là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo khoản 2 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Do đó, việc bà T yêu cầu ông V, bà T1 trả tổng số tiền 57.000.000 đồng (tiền hụi: 50.000.000 đồng và tiền vay: 7.000.000 đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông V, bà T1 thuộc trường hợp được miễn án phí do có thân nhân liệt sĩ và đơn xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; Điều 463 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mạch Kim T. Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Trương Thị T1 trả cho bà T tổng số tiền là 57.000.000 đồng (năm mươi bảy triệu đồng) (trong đó tiền hụi: 50.000.000 đồng và tiền vay: 7.000.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà T cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng ông V, bà T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ cho ông V và bà T1.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.